

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các chương trình đào tạo đại học hệ chính quy cập nhật theo
Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Trường Đại học Khoa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐTTĐHKH ngày 29/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-ĐHKH ngày 10/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Mẫu khung CTĐT và đề cương chi tiết học phần trong đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Biên bản Hội nghị phát triển chương trình đào tạo theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 20/02/2023 của Trường Đại học Khoa học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các chương trình đào tạo đại học hệ chính quy cập nhật theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Trường Đại học Khoa học và áp dụng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy từ năm học 2023 - 2024 (có danh sách chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- QLVB;
- Lưu: VT, ĐT. (19)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Thế Chính

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 564/QĐ-ĐHKH, ngày 12/4/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, ĐHTN)

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt: BÁO CHÍ ĐA PHƯƠNG TIỆN

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: MULTIMEDIA JOURNALISM

Ngành đào tạo: Báo chí

Mã ngành: 7320101

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Báo chí

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: 04 năm

1.2. Đối tượng tuyển sinh

Người học phải tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

1.3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Báo chí đa phương tiện có mục tiêu chung là đào tạo cử nhân ngành Báo chí với đầy đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà báo đa phương tiện, tác nghiệp trong môi trường báo chí truyền thông hiện đại; sinh viên có thể trở thành phóng viên, biên tập viên tại các tòa soạn báo, tạp chí, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; chuyên viên truyền thông tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí, truyền thông...

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Người học được trang bị các khối kiến thức giáo dục sau đây:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm: Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học xã hội và nhân văn, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm: Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành Báo chí: các kiến thức về báo chí, truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo,...

- Người học còn được tham gia các hoạt động thực tế chính trị - xã hội, thực tập, thực tế và tham gia các dự án về báo chí - truyền thông...

2.2.2. Về kỹ năng

Người học được trang bị các kỹ năng cơ bản sau đây:

- *Kỹ năng lao động sáng tạo tác phẩm báo chí nói chung*, gồm: lý thuyết chung về tác phẩm báo chí (khái niệm, đặc điểm, các yếu tố nội dung và hình thức, quy trình sáng tạo tác phẩm, đánh giá tác phẩm...); sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí nền tảng, đó là thể loại *Tin, Phóng sự - Điều tra, Bình luận...* bằng các kỹ năng cụ thể như: nghiên cứu, thâm nhập thực tiễn, phát hiện đề tài; thu thập thông tin - dữ liệu; thể hiện tác phẩm theo thể loại; biên tập và tổ chức tác phẩm trên các sản phẩm báo chí; theo dõi và xử lý thông tin phản hồi từ tác phẩm...

- *Kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí - truyền thông*: Tổ chức sản xuất báo ngày, báo tuần, tạp chí, chuyên đề, chuyên san; sản xuất tác phẩm phát thanh, sản xuất tác phẩm truyền hình...; thiết kế, tổ chức dự án sản phẩm báo chí - truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị...

- *Kỹ năng ứng dụng kỹ thuật - công nghệ*: người học được trang bị các kiến thức về kỹ thuật - công nghệ truyền thông số trong lao động báo chí. Cụ thể: áp dụng kỹ thuật - công nghệ truyền thông số trong sáng tạo tác phẩm báo chí nói chung, ảnh báo chí nói riêng (kỹ thuật chụp máy ảnh kỹ thuật số, xử lý và quản lý ảnh kỹ thuật số); tổ chức sản xuất ảnh trên các sản phẩm truyền thông (kỹ thuật biên tập, quản lý ảnh bằng các phần mềm ứng dụng; kỹ thuật thiết kế, trình bày hình ảnh in ấn và đăng tải...);...

- *Kỹ năng sáng tạo các thể loại ảnh báo chí phổ biến*, đó là *Ảnh tin, Ảnh phóng sự* bằng các kỹ năng cụ thể như: nghiên cứu, thâm nhập thực tiễn, phát hiện đề tài và chụp ảnh theo thể loại; thu thập thông tin - dữ liệu chú thích ảnh; biên tập và tổ chức tác phẩm ảnh trên các sản phẩm báo chí; theo dõi và xử lý thông tin phản hồi từ ảnh báo chí. Từ lý thuyết và kỹ năng sáng tạo tác phẩm ảnh báo chí, người học vận dụng để tác nghiệp ảnh báo chí theo từng lĩnh vực của đời sống xã hội.

- *Kỹ năng tổ chức sản xuất ảnh trên các sản phẩm truyền thông*: người học được trang bị kiến thức tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí nói chung, trong đó tập trung vào các kỹ năng tổ chức ảnh theo các loại hình, sản phẩm truyền thông, nhất là đối với các sản phẩm báo chí

như: báo in (nhật báo, tuần báo, tạp chí và các ấn phẩm chuyên về ảnh); báo mạng điện tử; truyền hình, các sản phẩm truyền thông khác nhau...

- *Một số kỹ năng khác như:* Kỹ năng thể hiện các tác phẩm báo chí phù hợp với văn phong, thể loại và đối tượng công chúng; kỹ năng biên tập tin bài; kỹ năng theo dõi, phân tích, đánh giá, phản hồi; kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động tác nghiệp...

2.2.3. Mục tiêu về thái độ

Người được đào tạo theo chương trình này phải có trình độ giác ngộ chính trị và lập trường, tư tưởng vững vàng; có ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước sâu sắc; có đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, thái độ dũng cảm trong cuộc đấu tranh bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, chống lại những âm mưu và hành động phá hoại chế độ, cổ vũ và hướng dẫn quần chúng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao, say mê nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị trên cơ sở nhận thức đúng đắn, đầy đủ và tự giác về vai trò, vị thế xã hội của báo chí - truyền thông.

Người được đào tạo phải có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của một nhà báo; phát triển thể chất và các phẩm chất về tâm lý, phù hợp với các yêu cầu, đòi hỏi của hoạt động nghề nghiệp báo chí - truyền thông.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Nhà báo đa phương tiện: Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo; tạp chí; hãng tin; đài phát thanh; đài truyền hình; đài phát thanh - truyền hình; các cơ quan báo mạng điện tử.

- Chuyên viên truyền thông, biên tập viên Website của cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; các tập đoàn; công ty truyền thông; tổ chức phi chính phủ...

- Quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện.

- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực báo chí - truyền thông tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

4. CHUẨN ĐẦU RA VÀ THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

4.1. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức	
1.1	Giải thích được những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, pháp luật, môi trường trong thực tiễn cuộc sống, thực tiễn quản lý và quản lý nhân sự trong tổ chức.	2
1.2	Áp dụng được kiến thức nền tảng về báo chí đa phương tiện để nhận diện, trình bày, vận dụng kiến thức khoa học chuyên ngành để giải quyết các yêu cầu cụ thể trong mỗi bài học theo quy định của chương trình.	3
1.3	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu, nâng cao về lý thuyết liên quan đến tác phẩm báo chí, các kiến thức về kỹ thuật - công nghệ truyền thông số trong lao động báo chí, kiến thức về thể loại báo chí, kiến thức về quy trình sản xuất các sản phẩm truyền thông thuộc các loại hình báo chí trong kỷ nguyên số.	3
1.4	Áp dụng kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh trong hình thành bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, nâng cao sức mạnh thể chất vào thực hiện nhiệm vụ, giữ gìn và bảo vệ tổ quốc.	3
1.5	Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin vào hoạt động học tập, sáng tạo tác phẩm báo chí đa phương tiện, nghiên cứu khoa học.	3
2.	Kỹ năng	
2.1	Vận dụng tốt các kỹ năng như giao tiếp, giải thích, lập luận, đàm phán, phản biện, thuyết phục, sử dụng công nghệ thông tin trong truyền đạt, phổ biến kiến thức, kỹ năng, yêu cầu của công việc tới người khác trong hoạt động tác nghiệp báo chí.	4
2.2	Vận dụng được kỹ năng lao động sáng tạo tác phẩm báo chí nói chung.	3

2.3	Thực hiện thành thạo các kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí - truyền thông và kỹ năng ứng dụng kỹ thuật - công nghệ truyền thông số trong lao động báo chí.	3
2.4	Sử dụng được ngoại ngữ trong dịch thuật, đọc hiểu các thông tin liên quan đến báo chí, truyền thông và giao tiếp ở mức cơ bản để diễn đạt ý chính của một đoạn văn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống, công việc thuộc lĩnh vực báo chí đa phương tiện, viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm, trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch cá nhân.	3
2.5	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của cơ sở đào tạo.	
2.6	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo quy định của cơ sở đào tạo.	
3.	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Vận dụng các yếu tố văn hóa, môi trường tổ chức, đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ trên cương vị công tác trong lĩnh vực báo chí đa phương tiện.	3
3.2	Xây dựng ý thức tự giác trong bồi dưỡng chuyên môn, học tập suốt đời để nâng cao trình độ, hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi cần.	3
3.3	Phát triển năng lực làm việc độc lập, khả năng hướng dẫn, giám sát và phối hợp với các thành viên nhóm trong việc thực hiện các nhiệm vụ với vai trò là nhà quản lý hay thành viên của nhóm trong lĩnh vực báo chí.	3
3.4	Xây dựng được ý tưởng và có khả năng sáng tạo, thiết kế, triển khai các sản phẩm báo chí đa phương tiện, quản lý, điều phối các nguồn lực và tham gia vào quá trình hoạt động báo chí trong kỷ nguyên số.	3
3.5	Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong hoạt động tác nghiệp báo chí.	3

4.2. Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực (TĐNL)		Mô tả ngắn
$TĐNL \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Người học ghi nhớ/nhận ra/nhớ lại được kiến thức bằng việc đưa ra các định nghĩa, liệt kê, nhận diện, xác định các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực báo chí đa phương tiện.
$1.0 < TĐNL \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Người học tự giải thích, phân loại, minh họa, suy luận được kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành từ các tài liệu liên quan đến lĩnh vực báo chí đa phương tiện.
$2.0 < TĐNL \leq 3.0$		Áp dụng: Người học thực hiện/áp dụng kiến thức để tạo ra được các sản phẩm như mô hình, các bảng, biểu, bài báo cáo, sản phẩm báo chí - truyền thông liên quan đến lĩnh vực báo chí đa phương tiện.
$3.0 < TĐNL \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Người học phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp thông tin, tài liệu, sản phẩm báo chí liên quan đến lĩnh vực báo chí đa phương tiện.
$4.0 < TĐNL \leq 5.0$		Đánh giá: Người học đưa ra được nhận định, dự báo nhận xét, phản biện, đề xuất kiến thức, kỹ năng, thông tin trong lĩnh vực báo chí đa phương tiện.
$5.0 < TĐNL \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: Người học đề xuất, sắp xếp, tổ chức, thiết kế mô hình, quy trình tạo ra sản phẩm báo chí - truyền thông thuộc lĩnh vực báo chí đa phương tiện.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ (Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)

6. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương (13 học phần)	35	35	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (34 học phần)	100	72	28
- Kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành (5 học phần)	15	9	6
- Kiến thức chuyên ngành (25 học phần)	72	50	22
- Nghiệp vụ, thực tập, thực tế chuyên môn (2 học phần)	6	6	0
- Khoá luận (hoặc 2 học phần thay thế)	7	7	0
Tổng	100%	107	28

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH- TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		35		
1.1	Lý luận chính trị		11		
1.1.1	MLT131	Triết học Mác - Lênin	3	45/0/0/90	
1.1.2	EIM121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30/0/0/60	MLT131
1.1.3	HKM221	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30/0/0/60	EIM121
1.1.4	JFG221	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	
1.1.5	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/60	
1.2	Khối kiến thức đại cương của ngành		8		
1.2.1	LIW322	Pháp luật đại cương	2	30/0/0/60	
1.2.2	VCF332	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
1.2.3	MSR131	Phương pháp luận NCKH	3	45/0/0/90	



1.3	Ngoại ngữ		10		
1.3.1.	ENG141	Tiếng Anh 1	4	60/0/0/120	
1.3.2.	ENG132	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	ENG141
1.3.3.	ENG133	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	ENG132
1.4	Tin học - Môi trường		6		
1.4.1	GIF131	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
1.4.2	SPN431	Môi trường và phát triển bền vững	3	30/0/30/90	
1.5	PHE	Giáo dục thể chất (*)			
1.6	MIE	Giáo dục quốc phòng (*)			
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		100		
2.1	Khối kiến thức nhóm ngành và cơ sở ngành		15		
<i>Bắt buộc</i>			9		
2.1.1	GES132	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
2.1.2	CTO332	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	
2.1.3	SAM231	Truyền thông vận động xã hội	3	45/0/0/90	
<i>Tự chọn</i>			6/15		
2.1.4	EOM231	Tổ chức và quản trị sự kiện*	3	30/30/0/90	
2.1.5	FJD331	Xã hội học truyền thông đại chúng*	3	45/0/0/90	
2.1.6	SHP231	Cơ sở tạo hình	3	30/30/0/90	
2.1.7	GVH221	Lịch sử Việt Nam đại cương	3		
2.1.8	LOG131	Logic học đại cương	3	45/0/0/90	
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành		72		
<i>Bắt buộc</i>			50		
2.2.1	IMC231	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	30/30/0/90	
2.2.2	TPW331	Tác phẩm báo chí	3	45/0/0/90	
2.2.3	OPA221	Tổ chức hoạt động cơ quan báo chí	2	20/20/0/60	
2.2.4	PHT231	Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	30/30/0/90	
2.2.5	GRE231	Kỹ thuật đồ họa	3	30/30/0/90	
2.2.6	ELP331	Báo điện tử	3	30/30/0/90	
2.2.7	VNS631	Quan hệ công chúng	3	30/30/0/90	
2.2.8	PML231	Ngôn ngữ báo chí – truyền thông	3	30/30/0/90	

2.2.9	RAR431	Sản xuất tác phẩm phát thanh	3	30/30/0/90	
2.2.10	GIK331	Sản xuất tác phẩm truyền hình	3	30/30/0/90	
2.2.11	JFY431	Thiết kế sản phẩm báo chí	3	30/30/0/90	
2.2.12	NFG231	Nghệ thuật học	3	45/0/0/90	
2.2.13	APP231	Quảng cáo và sản xuất nội dung quảng cáo	3	30/30/0/90	
2.2.14	HJM231	Lịch sử báo chí - truyền thông	3	30/30/0/90	
2.2.15	EDP231	Nghiệp vụ biên tập	3	30/30/0/90	
2.2.16	ICS231	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	30/30/0/90	
2.2.17	PVN331	Tiếng Việt thực hành	3	30/30/0/90	
<i>Tự chọn</i>			22/43		
2.2.18	NWT231	Kỹ thuật viết tin*	3	30/30/0/90	
2.2.19	LEJ231	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông *	2	15/30/0/60	
2.2.20	SOM231	Truyền thông mạng xã hội *	3	45/0/0/90	
2.2.21	HFJ431	Kỹ năng phỏng vấn *	3	30/30/0/90	
2.2.22	TRN231	Kỹ thuật chạy quảng cáo trên mạng xã hội*	3	30/30/0/90	
2.2.23	PRS231	Kỹ năng dẫn chương trình *	3	30/30/0/90	
2.2.24	ELM231	Khai thác chất liệu văn học trong sáng tác tác phẩm báo chí*	3	45/0/0/90	
2.2.25	SEI221	Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet*	2	15/30/0/60	
2.2.26	BIB221	Xây dựng bộ nhận diện và quản trị thương hiệu	2	15/30/0/60	
2.2.27	DOC221	Phim tài liệu	2	15/30/0/60	
2.2.28	WDC231	Thiết kế và quản trị nội dung website	2	15/30/0/90	
2.2.29	CAF231	Truyền thông về các loại hình nghệ thuật	3	30/30/0/90	
2.2.30	ICO231	Truyền thông marketing tích hợp	3	30/30/0/90	



2.2.31	INJ231	Báo chí điều tra	3	30/30/0/90	
2.2.32	BMM231	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	3	30/30/0/90	
2.2.33	MES231	Kịch bản truyền thông	3	30/30/0/90	
2.3	Nghiệp vụ, thực tập, thực tế chuyên môn		6		
2.3.1	PEC331	Thực tế chuyên môn	3	0/0/90/90	
2.3.2	PEN431	Thực tập tốt nghiệp	3	0/0/90/90	
2.4	Khóa luận TN hoặc học phần thay thế		7		
2.4.1	Khóa luận tốt nghiệp		7	0/0/210/210	
2.4.2	Học phần thay thế		7		
2.4.2.1	GRT431	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	30/30/0/90	
2.4.2.2	GRT442	Chuyên đề tốt nghiệp 2	4	30/60/0/120	
Tổng số tín chỉ			135		

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO TỪNG HỌC KỲ

Học kỳ 1

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
1	PHE	Giáo dục thể chất 1			
2	ENG141	Tiếng Anh 1	4	60/0/0/120	
3	CTO332	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	
4	GES132	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
5	GIF131	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
6	ICS231	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	30/30/0/90	
7	PVN331	Tiếng Việt thực hành	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			19		

Học kỳ 2

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
1	PHE	Giáo dục thể chất 2			
2	SAM231	Truyền thông vận động xã hội	3	45/0/0/90	
3	ENG132	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	
4	MLT131	Triết học Mác - Lênin	3	45/0/0/90	

5	TPW331	Tác phẩm báo chí	3	45/0/0/90	
6	OPA221	Tổ chức hoạt động cơ quan báo chí	2	20/20/0/60	
7	VCF332	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
Tổng số tín chỉ			17		

Học kỳ 3

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		14		
1	PHE	Giáo dục thể chất 3			
2	EIM121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30/0/0/60	
3	ENG133	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	
4	PHT231	Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	30/30/0/90	
5	IMC231	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	30/30/0/90	
6	MSR131	Phương pháp luận NCKH	3	45/0/0/90	
7	<i>Tự chọn</i>		3/9		
7.1	NWT231	Kỹ thuật viết tin*	3	30/30/0/90	
7.2	CAF231	Truyền thông về các loại hình nghệ thuật	3	30/30/0/90	
7.3	LOG131	Logic học đại cương	3	45/0/0/90	
Tổng số tín chỉ			17		

Học kỳ 4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		11		
1	GRE231	Kỹ thuật đồ họa	3	30/30/0/90	
3	ELP331	Báo điện tử	3	30/30/0/90	
4	LIW322	Pháp luật đại cương	2	30/0/0/90	
5	VNS631	Quan hệ công chúng	3	30/30/0/90	
6	<i>Tự chọn</i>		8/15		
6.1	LEJ231	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông*	2	15/30/0/60	
6.2	EOM231	Tổ chức và quản trị sự kiện*	3	30/30/0/90	
6.3	FJD331	Xã hội học truyền thông đại chúng*	3	30/30/0/90	

6.4	BIB221	Xây dựng bộ nhận diện và quản trị thương hiệu	2	15/30/0/60	
6.5	GVH221	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	45/0/0/90	
6.6	DOC221	Phim tài liệu	2	15/30/0/60	
Tổng số tín chỉ			19		

Học kỳ 5

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		14		
1	SPN431	Môi trường và phát triển bền vững	3	30/0/30/90	
2	HKM221	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30/0/0/60	
3	PML231	Ngôn ngữ báo chí – truyền thông	3	30/30/0/90	
4	RAR431	Sản xuất tác phẩm phát thanh	3	30/30/0/90	
5	GIK331	Sản xuất tác phẩm truyền hình	3	30/30/0/90	
6	<i>Tự chọn</i>		3/9		
6.1	SOM231	Truyền thông mạng xã hội *	3	45/0/0/90	
6.2	MES231	Kịch bản truyền thông	3	30/30/0/90	
6.3	SHP231	Cơ sở tạo hình	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			17		

Học kỳ 6

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		11		
1	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/90	
2	APP231	Quảng cáo và sản xuất nội dung quảng cáo	3	30/30/0/90	
3	JFY431	Thiết kế sản phẩm báo chí	3	30/30/0/90	
4	PEC331	Thực tế chuyên môn	3	0/0/90/90	
5	<i>Tự chọn</i>		8/13		
5.1	HFJ431	Kỹ năng phỏng vấn *	3	30/30/0/90	
5.2	ELM231	Khai thác chất liệu văn học trong sáng tác tác phẩm báo chí *	3	45/0/0/90	

5.3	SEI221	Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet*	2	15/30/0/60	
5.4	WDC231	Thiết kế và quản trị nội dung website	2	15/30/0/90	
5.5	ICO231	Truyền thông marketing tích hợp	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			19		

Học kỳ 7

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
	<i>Bắt buộc</i>		<i>11</i>		
1	JFG221	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	
2	NFG231	Nghệ thuật học	3	45/0/0/90	
3	HJM231	Lịch sử báo chí - truyền thông	3	30/30/0/90	
4	EDP231	Nghiệp vụ biên tập	3	30/30/0/90	
5		<i>Tự chọn</i>	<i>6/12</i>		
5.1	PRS231	Kỹ năng dẫn chương trình *	3	30/30/0/90	
5.2	TRN231	Kỹ thuật chạy quảng cáo trên mạng xã hội *	3	30/30/0/90	
5.3	BMM231	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	3	30/30/0/90	
5.4	INJ231	Báo chí điều tra	3	30/30/0/90	
Tổng số tín chỉ			17		

Học kỳ 8

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT-HĐTL/ TL/TH-TN/TH)	Học phần tiên quyết; học trước
1	PEN431	Thực tập tốt nghiệp	3	0/0/90/90	
	Khóa luận tốt nghiệp /HP thay thế		7		
2	SPA904	Khóa luận tốt nghiệp	7	0/0/210/210	
3		<i>Học phần thay thế</i>	<i>7</i>		
3.1	GRT431	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	30/30/0/90	
3.2	GRT442	Chuyên đề tốt nghiệp 2	4	30/60/0/120	
Tổng số tín chỉ			10		